

<p>+ Nêu MĐYC tiết học. b/ Các hoạt động: 28' Hoạt động 1: nhận xét chung.7' + Ghi đề . + Nhận xét kết hợp với bảng phụ . <i>Ưu điểm:</i> Xác định đúng đề bài, kiểu bài kể chuyện, xưng hô nhất quán, có sáng tạo, diễn đạt ý tốt . <i>Một số hạn chế :</i> * Lỗi chính tả: chung-trung ; khoẻ-khéo * Lỗi đặt câu: * Lỗi về dùng từ: * Lỗi về ý : Cả bài viết không phân ý. * Lỗi về trình bày : chưa phân đoạn. Hoạt động2: Hs chữa lỗi : 7' + Tổ chức làm việc cá nhân + Theo dõi và nhận xét kịp thời.</p> <p>Hoạt động 3: Học tập những đoạn văn hay. 6' + Đọc bài văn hay</p> <p>Hoạt động 4 : Viết lại một đoạn văn. 8' + Tổ chức hs viết cá nhân + Giáo dục hs kiên trì viết bài tốt hơn + Nhận xét, đánh giá.</p> <p>3. Củng cố, dặn dò:3' + Hệ thống bài học. + Về nhà học bài. Chuẩn bị bài: Cấu tạo bài văn miêu tả cây cối. + Nhận xét tiết học.</p>	<p>+ Lắng nghe, xác định nhiệm vụ.</p> <p>+ Đọc đề bài + Theo dõi cô giáo nhận xét kết hợp đọc bảng phụ.</p> <p>+ Tự đọc bài và chữa bài + 2 hs cùng bạn đổi bài kiểm tra: .Nghe và rút kinh nghiệm từ bài của bạn .Trao đổi để tìm ra cái hay, cái tốt... + Tự chọn và viết lại đoạn văn sai nhiều lỗi + Vài hs đọc 2 đoạn văn của mình. + Nghe và so sánh giữa 2 đoạn văn.</p> <p>+ Lắng nghe.</p>
--	--

Luyện từ và câu - Tiết 42

VỊ NGỮ TRONG CÂU KỂ *AI THẾ NÀO?*

I. MỤC TIÊU:

- Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc phân biệt VN trong câu kể *Ai thế nào?*(ND cần ghi nhớ).

- Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể *Ai thế nào?* Theo yêu cầu cho trước, qua thực hành luyện tập (mục III).

*Đặt được ít nhất 3 câu kể *Ai thế nào?* Tả cây hoa yêu thích (BT2, mục III).

II. ĐỒ DÙNG DẠY-HỌC: Bảng phụ

III.HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1.Kiểm tra: 3' + Kiểm tra bài: <i>Ai thế nào?</i> + Nhận xét, đánh giá.</p> <p>2.Bài mới:29' a/ Giới thiệu bài :1' + Nêu MĐYC tiết học.</p> <p>b/ Hướng dẫn tìm hiểu bài: 12' + Đọc đoạn văn - Tìm câu kể <i>Ai thế nào?</i> trong đoạn văn? - Xác định CN, VN của các câu kể <i>Ai thế nào?</i> -Vị ngữ trong các câu trên biểu thị nội dung gì? Chúng do những từ ngữ như thế nào tạo nên. - Nêu đặc điểm, ý nghĩa của VN trong câu kể <i>Ai thế nào?</i> + Rút <i>ghi nhớ</i>.</p> <p>c/ Luyện tập: 16' Bài 1: Đọc và trả lời câu hỏi: + Đoạn văn - Tìm các câu kể <i>Ai thế nào?</i> trong đoạn văn - Xác định vị ngữ của các câu trên? - Vị ngữ của các câu trên do những từ ngữ nào tạo thành? +Nhận xét Bài 2: đặt 3 câu kể <i>Ai thế nào?</i> Mỗi câu tả một cây hoa mà em thích. + Nhận xét.</p> <p>3. Cũng cố, dặn dò:3' + Hệ thống bài học. + Về nhà học bài.Chuẩn bị bài: <i>Chủ ngữ trong câu kể Ai thế nào?</i> + Nhận xét tiết học.</p>	<p>+ Vài HS.</p> <p>+ Lắng nghe, xác định nhiệm vụ.</p> <p>+ 2HS đọc – lớp đọc thầm bài trao đổi. + Nêu: câu 1, 2, 4, 6, 7</p> <p>- Câu 1: <i>cánh vạt</i>. C₂ <i>sông</i>; C₄ <i>ông Ba</i>; C₆ <i>ông Sáu</i>; C₇ <i>ông</i> - HS tự làm và nêu: C₁ trạng thái của sự vật – cụm TT C₂ trạng thái của sự vật– cụmĐT(thôi) C₄ trạng thái của người – cụm ĐT C₆ trạng thái của người – cụm TT C₇ đặc điểm của người – cụm TT (hết) + 2-3 HS nêu</p> <p>+ 2-3 HS đọc</p> <p>+ HS đọc + Đọc đoạn văn- tự làm bài 1.VN – rất khỏe – cụm TT 2. – dài và cứng – 2TT 3. – giống như ... - cụm TT 4. – rất ít hay -cụm TT 5 – giống như ... - 2cụm TT + Báo cáo kết quả.</p> <p>+ Đọc y/c, tự làm bài.</p> <p>+Nói tiếp đọc bài. +Lớp theo dõi, nhận xét.</p>

Địa lí: NGƯỜI DÂN Ở ĐÔNG BẰNG NAM BỘ

I. Mục tiêu :

- Hs nhớ được tên một số dân tộc sống ở ĐBNB: Kinh,Khơ-me, Chăm, Hoa
- Trình bày một số đặc điểm tiêu biểu về nhà ở,trang phục của người dân ở ĐBNB
- HS K,G biết được sự thích ứng của con người với điều kiện tự nhiên ở ĐBNB(**GD BVMT**)

II. Đồ dùng: - GV: bản đồ , tranh ảnh . - HS : sgk .

III. Hoạt động dạy - học :

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ôn định :</p> <p>2. Kiểm tra :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu đặc điểm của đồng bằng Nam Bộ ? Chỉ vị trí ĐBNB trên lược đồ. - Gv nhận xét <p>3. Bài mới :</p> <p>3.1. GTB : Gv GT và ghi tên bài</p> <p>3.2. Các hoạt động</p> <p><i>Hoạt động 1: Nhà ở của người dân</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv tổ chức hs đọc SGK + Người dân sống ở đồng bằng Nam Bộ thuộc những dân tộc nào? + Phương tiện đi lại phổ biến là gì? - Gv tổ chức thảo luận nhóm quan sát hình 1, cho biết nhà ở của người dân thường phân bố ở đâu? Vì sao? <p>-GV KL, kết hợp với giới thiệu tranh ảnh .</p> <p>- Giúp HS biết được sự thích ứng của con người với điều kiện tự nhiên ở ĐBNB là gì.</p> <p><i>Hoạt động 2: Trang phục và lễ hội .</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv tổ chức TL : + Trang phục thường ngày của người dân đồng bằng Nam Bộ trước đây có gì đặc biệt? + Kể tên một số lễ hội nổi tiếng ở đồng bằng Nam Bộ ? + Trong lễ hội thường có những hoạt động gì? + Lễ hội của người dân nhằm mục đích gì? - Gv KL <p>4. Củng cố-Dẫn dò :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv hệ thống lại toàn bài . - Về nhà học bài. Chuẩn bị bài 19 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 hs - Đồng bằng Nam Bộ nằm ở phía nam nước ta. Đây là đồng bằng lớn nhất của đất nước... <p>- nghe và nhắc đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs đọc SGK và dựa vào bản đồ : + Các dân tộc sống ở đồng bằng Nam Bộ chủ yếu là: Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa . + Xuồng, ghe là phương tiện đi lại phổ biến. - HS, quan sát hình 1 và thảo luận . + Làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch Vì hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. - làm nhà dọc theo các sông , kênh , rạch , nhà đơn sơ vì ít gió bão; trước đây đường giao thông trên bộ chưa phát triển, người dân đi lại chủ yếu bằng xuồng, ghe vì thế người dân thường làm nhà ven sông để thuận tiện cho việc đi lại. - Hs TL, trình bày : + Trang phục thường ngày của người dân đồng bằng Nam Bộ trước đây là áo bà ba và chiếc khăn rằn . + Lễ hội nổi tiếng ở đồng bằng Nam Bộ: lễ hội Bà Chúa Xứ, lễ tế thần cá Ông, + Cúng , tế lễ , văn nghệ, + Cầu mùa được và cuộc sống vui vẻ, ấm cúng,... <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc ND bài - lắng nghe và thực hiện

Toán - Tiết 105
LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU: *Giúp HS:*

-Thực hiện được quy đồng mẫu số hai phân số.

-Làm các bài tập:1(a),2(a),4. *Bài:3.5HS làm theo khả năng

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

III. HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1.Kiểm tra: 3' + Kiểm tra bài: <i>Quy đồng mẫu số các phân số.</i> + Nhận xét, đánh giá.</p> <p>2.Bài mới:29' <i>a/ Giới thiệu bài:1'</i> + Nêu MĐYC tiết học. <i>b/Hướng dẫn luyện tập: 28'</i> Bài 1: Quy đồng mẫu số các phân số + Cùng cố cách quy đồng mẫu số 2 PS Bài 2: + Gọi HS đọc yêu cầu phần a. + Cùng cố mọi số tự nhiên đều có mẫu số là 1</p> <p>- Khi quy đồng mẫu số $\frac{3}{5}$ và 2 ta được hai phân số nào ?</p> <p>b. *Bài 3: Quy đồng MS các phân số (HS làm theo khả năng) + HD cách QĐMS 3 phân số - Làm thế nào để từ phân số $\frac{1}{2}$ có được phân số có mẫu số là 30 ? (Nếu HS nêu là nhân với 15 thì GV đặt câu hỏi để HS thấy $15 = 3 \times 5$). + Yêu cầu HS nhân cả tử và mẫu số của phân số $\frac{1}{2}$ với tích 3×5. + HD HS làm với hai phân số còn lại.</p>	<p>+ Vài HS.</p> <p>+ Lắng nghe, xác định nhiệm vụ.</p> <p>+ 3 HS lên bảng làm bài, lớp làm vở.</p> <p>+ Hãy viết $\frac{3}{5}$ và 2 thành 2 phân số đều có mẫu số là 5. + Thực hiện: $\frac{2}{1} = \frac{2 \times 5}{1 \times 5} = \frac{10}{5}$; Giữ nguyên $\frac{3}{5}$.</p> <p>- Khi quy đồng mẫu số $\frac{3}{5}$ và 2 ta được hai phân số $\frac{3}{5}$ và $\frac{10}{5}$. + HS làm bài theo khả năng.</p> <p>+ Nêu: MSC là $2 \times 3 \times 5 = 30$. - Thực hiện: $\frac{1}{2} = \frac{1 \times 3 \times 5}{2 \times 3 \times 5} = \frac{15}{30}$</p> <p>+ HS làm bài theo khả năng</p> <p>. Nhân cả tử số và mẫu số của phân số $\frac{2}{5}$ với tích 2×5. . Nhân cả tử số và mẫu số của phân số $\frac{2}{5}$ với tích 2×3.</p>

